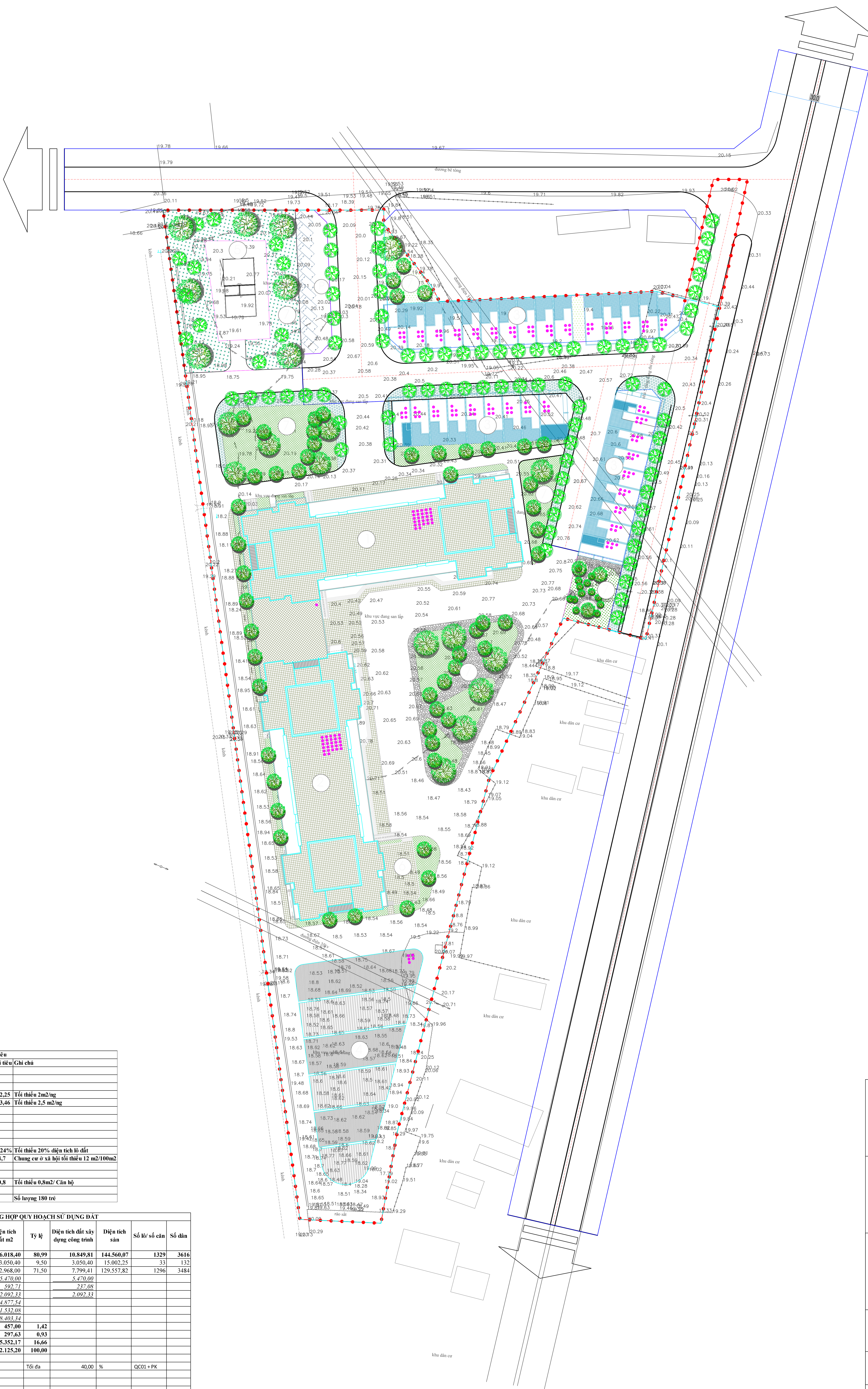
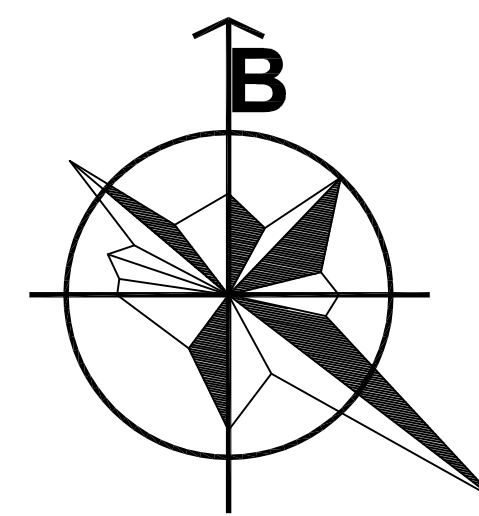


TỈNH THÁI NGUYÊN - PHƯỜNG SÔNG CÔNG

QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 KHU NHÀ Ở XÃ HỘI SÔNG CÔNG, PHƯỜNG SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN

TỶ LỆ: 1/500



GHI CHÚ

- THÁP ĐƠN NGUYÊN CT1 (27 TẦNG)
- THÁP ĐƠN NGUYÊN CT2 (27 TẦNG)
- NHÀ Ở THƯƠNG MẠI THÁP TẦNG 5 TẦNG
- KHU NHÀ ĐỂ XE 5 TẦNG
- KHU SỬ LỰU NƯỚC THẢI
- BỂ NƯỚC NGẮM SINH HOẠT VÀ PCCC
- CÂY XANH, CẢNH QUAN
- CÂY XANH CÁCH LY
- BÃI ĐỂ NGỒI TRỜI

CƠ QUAN CHẤP THUẬN:

UBND PHƯỜNG SÔNG CÔNG

(Kèm theo Văn bản số: /VB-UBND ngày tháng năm 2026)

CƠ QUAN TỐ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:

PHÒNG XÂY DỰNG, NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Báo cáo thẩm định số: /BCKTĐ ngày tháng năm 2026)

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN LONG BÌNH 2

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-LB2 ngày tháng năm 2026)

CÔNG TRÌNH - BẢNG BẰNG

QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 KHU NHÀ Ở XÃ HỘI SÔNG CÔNG,
PHƯỜNG SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

TÊN BẢN VẼ:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN

BẢN VẼ: QH.05	GHÉP: 01 TỜ A0	TỶ LỆ: 1/500	THÁNG / 2026
THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THÀNH TRUNG		
CHỦ TRÌ TK	THS.KS. NGUYỄN TIẾN THÀNH		
CN. ĐỒ ÁN	THS.KS. NGUYỄN TIẾN THÀNH		
TRƯỞNG PHÒNG	KS. NGUYỄN TRUNG NGHĨA		
Q.L. KỸ THUẬT	KTS. NGUYỄN DƯƠNG		

GIÁM ĐỐC:

KS. NGUYỄN THÀNH TRUNG

SỐ TÀI CHỈNH TỈNH PHỤ THỢ
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG CTN
Địa chỉ số nhà 125, Đường Tôn Đức Thắng, phường Văn Phúc, thị trấn Phố Mới,
Tỉnh Thái Nguyên

TÊN CÔNG TRÌNH: QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 KHU NHÀ Ở XÃ HỘI SÔNG CÔNG, PHƯỜNG SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN	1A0
TÊN ĐỒ ÁN: BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT	QH.04

TT	Chức năng	Khối lượng	Chi tiết	Ghi chú
A	Phần đất ở thương mại thấp tầng			
1	Số căn hộ (căn)	33		
2	Đất cây xanh	297,63	2,25	Tối thiểu 2m ² /ng
3	Đất bãi đỗ xe	457	3,46	Tối thiểu 2,5 m ² /ng
B	Phần chung cư ở xã hội			
1	Diện tích lô đất	22.968,00		
2	Tổng diện tích sàn xây dựng	79.512		
3	Tổng số căn hộ	1296		
4	Tổng số dân	3484		
1	Cây xanh	4877,54	21,24%	Tối thiểu 20% diện tích lô đất
2	Bãi đỗ xe	11.671,7	14,7	Chung cư ở xã hội tối thiểu 12 m ² /100m ²
3	Sinh hoạt cộng đồng	1.074,0	0,8	Tối thiểu 0,8m ² /Căn hộ
4	Dịch vụ thương mại	448,0		
5	Nhà trẻ	810,0		Số lượng 180 trẻ

TT	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích đất m ²	Tỷ lệ	Diện tích đất xây dựng công trình	Diện tích sân	Số hũ/số căn	Số dân
1	Đất ở		26.018,40	80,99	10.849,81	144.560,07	1329	3616
1.1	Đất ở thương mại thấp tầng	LK	3.050,40	9,50	3.050,40	15.002,25	33	132
1.2	Đất chung cư ở xã hội	OXH	22.968,00	71,50	7.799,41	129.557,82	1296	3484
a	Đất xây dựng công trình chung cư		5.470,00		5.470,00			
b	Đất xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật		992,71		237,08			
c	Đất xây dựng công trình bãi đỗ xe		2.092,33		2.092,33			
d	Đất cây xanh		4.877,54					
e	Đất cây xanh cách ly (hành lang đệm)		1.532,08					
f	Đất giao thông và sân nội bộ		8.403,34					
2	Đất bãi đỗ xe (cho đất ở thương mại)	BĐX	457,00	1,42				
3	Đất cây xanh (cho đất ở thương mại)	CX	297,63	0,93				
4	Đất giao thông		5.352,17	16,66				
Tổng			32.125,20	100,00				
Mật độ xây dựng đất toàn khu			4,50	lần				
Mật độ xây dựng đất toàn khu			33,77	%	Tối đa	40,00	%	QC01 + PK
Tổng số dân			3616	căn				
Tổng số hũ ở xã hội			1296	căn				
Số căn hộ chung cư			33	căn				
Số căn hộ nhà ở xã hội			1296	căn				
Đất bãi đỗ xe (cho đất ở thương mại)			457,00	m ²	Tối thiểu	330,00		QC01
Đất cây xanh (cho đất ở thương mại)			297,63	m ²	Tối thiểu	264,00		QC01

TT	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích đất m ²	Tỷ lệ	Diện tích đất xây dựng	Mật độ xây dựng	Tầng cao	Diện tích sân	Số dân	Ghi chú
a	Đất chung cư ở xã hội		22.968,00	88,28	7.799,41	33,96				
b	Đất xây dựng công trình chung cư		5.470,00		5.470,00		27	129.557,82	3484	
c	Đất xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật		992,71		237,1		2	474		
d	Đất xây dựng công trình bãi đỗ xe		2.092,33		2.092,3		5	10.462		
e	Đất cây xanh		4.877,54							
f	Đất cây xanh cách ly		1.532,08							
g	Đất giao thông và sân nội bộ		8.403,34							
h	Mật độ xây dựng của lô chung cư ở xã hội		33,96	%						
i	Mật độ xây dựng của lô chung cư ở xã hội		5,15	lần						
j	Số tầng của lô chung cư ở xã hội		27	tầng						
k	Khối đế		26	tầng						
l	Diện tích đất bãi đỗ xe		5.470,0	m ²						
m	Mật độ xây dựng đất bãi đỗ xe		23,82	%						
n	Diện tích xây dựng 02 tầng		4.280,00	m ²						
o	Tổng diện tích xây dựng tòa tháp chung cư		119.720,00	m ²						
p	Tổng diện tích sân bãi đỗ xe		79.512,00	m ²						
q	Tỷ lệ đất cây xanh		21,24%							
r	Tỷ lệ đất cây xanh		21,24%							

TT	Chức năng sử dụng đất	Quy mô	Tỷ lệ
1	Đất ở	26.018,4	100,00
1.1	Đất ở thương mại thấp tầng (m ²)	3.050,4	11,72
1.2	Đất chung cư ở xã hội (m ²)	22.968	88,28
2	Nhà ở	33	
2.1	Nhà ở thấp tầng (căn)	329	
2.2	Căn hộ chung cư nhà ở xã hội (căn)	1.296	